

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN CHỈ

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO
CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
Mã số: 9310202

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**



Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Tất Thắng

Phản biện 1:

.....

Phản biện 1:

.....

Phản biện 1:

.....

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi ... giờ... ngày ... tháng ... năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, nơi nhiều tôn giáo cùng tồn tại trong một không gian văn hóa – xã hội thống nhất, không có tôn giáo nào giữ vị trí độc tôn. Hiện nay, Nhà nước đã công nhận 34 tổ chức tôn giáo, cấp đăng ký hoạt động cho 04 tổ chức và 01 pháp môn tu hành thuộc 16 tôn giáo, với khoảng 26,5 triệu tín đồ (chiếm 27% dân số). Trong suốt quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược lâu dài. Các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW (1990), Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) và Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện chính sách tôn giáo, phát huy các giá trị tích cực, nhân văn của tôn giáo, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ dân tộc, làm mất ổn định chính trị – xã hội.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng có vị trí chiến lược, với gần 18 triệu dân, hiện có 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân, hơn 4.900 cơ sở thờ tự và gần 6,9 triệu tín đồ, chiếm trên 36% dân số toàn vùng. Thời gian qua, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo công tác tôn giáo, cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Đảng, tăng cường tuyên truyền, vận động, xây dựng đội ngũ cán bộ và phát huy vai trò của hệ thống chính trị, góp phần giữ vững ổn định chính trị – xã hội và củng cố niềm tin của chức sắc, tín đồ. Tuy nhiên, việc lãnh đạo công tác tôn giáo ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, thể hiện ở chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết chưa đồng bộ; bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo còn mỏng, kiêm nhiệm; cơ chế phối hợp và công tác kiểm tra, giám sát chưa thật sự hiệu quả. Trong bối cảnh mới, tình hình tôn giáo ở ĐBSCL tuy cơ bản ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, đòi hỏi phải tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy. Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài *“Các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay”* nhằm làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực tiễn và đề xuất các giải pháp khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo trong tình hình mới.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo, luận án đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Một là, tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án.

Hai là, luận giải làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay.

Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng công tác tôn giáo và các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo từ năm 2003 đến nay; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, kinh nghiệm.

Bốn là, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn từ năm 2003 đến tháng 7 năm 2025. Phạm vi nghiên cứu được chia thành hai giai đoạn: *trước sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh*, khi các tỉnh, thành phố tồn tại độc lập và triển khai công tác tôn giáo theo đặc điểm riêng của từng địa phương; và *sau sáp nhập*, với sự hình thành các đơn vị hành chính mới, đặt ra yêu cầu điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện công tác tôn giáo phù hợp không gian quản lý mới. Mốc thời gian nghiên cứu được xác định từ khi ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) về công tác tôn giáo. Trọng tâm phân tích là giai đoạn 2010–2025, gắn với việc triển khai các nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn từ năm 2003 đến tháng 7 năm 2025. Phạm vi nghiên cứu được chia thành hai giai đoạn: *trước sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh*, khi các tỉnh, thành phố tồn tại độc lập và triển khai công tác tôn giáo theo đặc điểm riêng của từng địa phương; và *sau sáp nhập*, với sự hình thành các đơn vị hành chính mới, đặt ra yêu cầu điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện công tác tôn giáo phù hợp không gian quản lý mới. Mốc thời gian nghiên cứu được xác định từ khi ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) về công tác tôn giáo. Trọng tâm phân tích là giai

đoạn 2010–2025, gắn với việc triển khai các nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo từ năm 2003 đến nay (*từ khi có Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo*); các công trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, các báo cáo sơ kết, tổng kết về sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, quán triệt quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo và xây dựng Đảng, làm nền tảng chỉ đạo xuyên suốt quá trình nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích – tổng hợp, lịch sử – lôgic, điều tra xã hội học, thống kê, so sánh, khảo sát và tổng kết thực tiễn nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện và khoa học. Các phương pháp này được sử dụng linh hoạt trong từng chương: hệ thống hóa cơ sở lý luận, làm rõ quan điểm của Đảng; phân tích, đánh giá thực trạng sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo giai đoạn 2003–2025; nhận diện kết quả, hạn chế và nguyên nhân. Luận án tiến hành điều tra xã hội học với 600 phiếu hợp lệ tại 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, tập trung vào các nhóm chủ thể trực tiếp lãnh đạo, tham mưu, tổ chức thực hiện và các đối tượng chịu tác động của công tác tôn giáo. Kết quả điều tra là cơ sở khoa học quan trọng để đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ trong giai đoạn tới.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án làm rõ và xác lập khái niệm “*các tỉnh, thành uỷ vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo*”, đồng thời phân tích hệ thống nội dung và phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành uỷ trong điều kiện đặc thù của vùng.

Thứ hai, trên cơ sở tổng kết thực tiễn giai đoạn từ năm 2003 đến nay, luận án khái quát 5 kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành uỷ vùng ĐBSCL.

Thứ ba, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Một là, luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về công tác tôn giáo; sự lãnh đạo của tỉnh, thành uỷ đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL nghiên cứu xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo trong thời gian tới.

Ba là, kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Trong thời gian qua, đã có nhiều công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về tôn giáo, công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo và sự lãnh đạo của đảng cầm quyền/đảng chính trị đối với lĩnh vực này. Tuy nhiên, do khác biệt về phạm vi, đối tượng, phương pháp tiếp cận và bối cảnh quốc gia, các công trình thường tập trung vào từng khía cạnh riêng (lý luận tôn giáo, chính sách – pháp luật tôn giáo, mối quan hệ tôn giáo – chính trị, quản lý tôn giáo trong nhà nước pháp quyền, vai trò của các lực lượng trong hệ thống chính trị...). Đáng chú ý là:

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Nhóm công trình về tôn giáo và công tác tôn giáo

Nhiều công trình tiếp cận tôn giáo như một nhân tố chính trị – xã hội có ảnh hưởng lâu dài trong bối cảnh hiện đại, tập trung phân tích chức năng liên kết xã hội, tác động đến chính sách công, trật tự chính trị và các vấn đề toàn cầu: Paul S. Rowe (2010) nhấn mạnh tôn giáo là biến số quan trọng trong chính trị toàn cầu, có thể tham gia định hình thái độ xã hội, hành vi chính trị, và tác động đến các vấn đề như xung đột, hòa bình, nhân quyền; Jonathan Fox (2015) cung cấp cách tiếp cận so sánh định lượng, khảo sát rộng về chính sách tôn giáo nhà nước ở nhiều quốc gia, làm rõ quan hệ giữa chủ thể chính trị thực tế, tác nhân tôn giáo và mô hình chính sách tôn giáo; David T. Smith (2015) gọi mở khía cạnh “tự do tôn giáo gắn với trật tự chính trị”, chỉ ra nhà nước có thể điều chỉnh mức độ “khoan dung – kiểm soát” theo rủi ro đối với ổn định

chính trị; Deeg & Scheid (2015) cung cấp góc nhìn về “tôn giáo – văn hóa – chính trị” trong bối cảnh Trung Quốc, nhấn mạnh vai trò của pháp luật và thể chế trong quản lý hoạt động tôn giáo. Nhìn chung, nhóm công trình này đóng góp quan trọng ở: (i) khung lý thuyết về quan hệ tôn giáo – chính trị; (ii) cách thức nhà nước quản trị tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật; (iii) gợi ý cách tiếp cận so sánh và nhận diện tác động đa chiều của tôn giáo.

1.1.2. Nhóm công trình về chính đảng, đảng cầm quyền với công tác tôn giáo

Một hướng nghiên cứu nổi bật là phân tích vai trò của đảng phái, đảng cầm quyền trong định hình chính sách tôn giáo và quản trị xã hội có yếu tố tôn giáo: Tepe (2009) nghiên cứu chính trị tôn giáo trong bối cảnh đa nguyên, cho thấy tôn giáo có thể trở thành nguồn lực chính trị và các đảng tôn giáo thường “điều chỉnh” để thích ứng với nguyên tắc dân chủ – thể tục; Công trình về Komeito (2014) cung cấp trường hợp điển hình về quan hệ giữa một chính đảng và tổ chức tôn giáo, gợi mở cách thức huy động nguồn lực xã hội trong khuôn khổ pháp lý; Một số nghiên cứu về Trung Quốc (Lưu Chấn Hoa, Liên Tường Đồng; Hoàng Văn Hồ; Chu Duy Quân; Lý Lương Đồng...) tập trung vào năng lực cầm quyền, phương thức lãnh đạo, cầm quyền theo pháp luật; đồng thời gợi mở về vai trò tổ chức đảng, cán bộ, cơ chế vận động quần chúng, công tác mặt trận trong xử lý vấn đề dân tộc – tôn giáo; Các nghiên cứu gần đây về chính sách tôn giáo Trung Quốc (Trịnh Dĩ Huyền, 2024) nhấn mạnh xu hướng chính trị hóa quản trị tôn giáo, gia tăng vai trò định hướng và công tác mặt trận; qua đó gợi mở bài học “kiên định nguyên tắc – linh hoạt biện pháp” trong lãnh đạo công tác tôn giáo. Tổng quát, nhóm công trình nước ngoài giúp luận án: bổ sung góc nhìn so sánh; làm rõ tính phổ biến của yêu cầu quản trị tôn giáo bằng pháp luật; và gợi ý cách tiếp cận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng cầm quyền đối với lĩnh vực tôn giáo.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.2.1. Nhóm công trình về tôn giáo, công tác tôn giáo

Các công trình trong nước nhìn chung có thể mạnh ở việc bám sát nền tảng tư tưởng, quan điểm của Đảng; đồng thời hệ thống hóa quá trình pháp điển hóa và thực tiễn quản lý nhà nước đối với tôn giáo: Ngô Hữu Thảo (2012), Đỗ Lan Hiền (2016) và một số tác giả khác làm rõ nền tảng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; nhấn mạnh nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, đoàn kết tôn giáo – dân tộc, phát huy mặt tích cực của tôn giáo; Nguyễn Minh Khải (2013), Nguyễn Thanh Xuân (2020) góp phần hệ thống hóa bức tranh tôn giáo ở Việt Nam, phân biệt các khái niệm (công tác tôn giáo, QLNN về tôn giáo...), đồng thời phân tích chủ thể, nội

dung, cơ chế thực thi chính sách tôn giáo; Đỗ Quang Hưng (2014) và các nghiên cứu liên quan nhấn mạnh chính sách tôn giáo phải được xem như một bộ phận chính sách công trong nhà nước pháp quyền; làm rõ vai trò của pháp luật và yêu cầu quản trị minh bạch, hợp hiến, hợp pháp; Bùi Hữu Dực (2014) cung cấp nền tảng quan trọng về QLNN đối với hoạt động tôn giáo từ 1975 đến nay, gợi mở cách tiếp cận về thực trạng – nguyên nhân – khuyến nghị chính sách; Các công trình chuyên sâu về Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016; pháp nhân tôn giáo; thanh tra – kiểm tra; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo... cung cấp hệ thống căn cứ pháp lý và thực tiễn thi hành.

Với vùng ĐBSCL, nhiều công trình nghiên cứu đi vào từng tôn giáo hoặc nhóm cộng đồng cụ thể (Phật giáo Nam tông Khmer; hoạt động an sinh xã hội của tôn giáo nội sinh...), qua đó khẳng định vai trò xã hội tích cực của tôn giáo và đặt ra yêu cầu quản trị phù hợp đặc thù văn hóa – tộc người.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo

Hướng nghiên cứu này tập trung làm rõ quá trình phát triển tư duy của Đảng về tôn giáo, cơ chế lãnh đạo đối với Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong đó có công tác tôn giáo: Nguyễn Đức Lữ (2011), Nguyễn Hồng Dương (2012) hệ thống hóa quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo, nhấn mạnh tính nhất quán trong bảo đảm tự do tín ngưỡng và kiên quyết đấu tranh với lợi dụng tôn giáo; Nguyễn Thị Liên (2014) cung cấp tư liệu lịch sử về vận động tôn giáo giai đoạn 1930–1954, gợi mở bài học về phương thức vận động, xây dựng đoàn kết tôn giáo; Các công trình về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng (như nhóm tác giả Trần Khắc Việt – Nguyễn Văn Giang – Phạm Tất Thắng) gợi ý trực tiếp cho luận án ở các nội dung: chất lượng ban hành nghị quyết; trách nhiệm người đứng đầu; cơ chế thể chế hóa và tổ chức thực hiện; phối hợp giữa Đảng – Nhà nước – MTTQ và đoàn thể; Các nghiên cứu về công tác cán bộ, hệ thống chính trị cơ sở, đấu tranh phòng chống lợi dụng dân tộc – tôn giáo... tạo nền tảng để phân tích vai trò tổ chức đảng, cán bộ, kiểm tra – giám sát và năng lực thực thi ở địa phương.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.3.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được

Một là, về lý luận: Các công trình đã làm rõ nền tảng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định tôn giáo là hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài; đề cao nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát huy mặt tích cực của tôn giáo, hạn chế mê tín, ngăn chặn lợi dụng tôn giáo. Nhiều nghiên cứu cũng xây dựng khung phân

tích quan hệ tôn giáo – chính trị, tôn giáo – nhà nước pháp quyền, quản trị tôn giáo bằng pháp luật.

Hai là, về thực tiễn: Nhiều công trình phản ánh sinh động tình hình tôn giáo ở Việt Nam, những khó khăn như truyền đạo trái phép, tranh chấp đất đai – cơ sở thờ tự, cực đoan hóa, lợi dụng tôn giáo để chống phá. Một số nghiên cứu đã đề cập vai trò của cấp ủy địa phương, hệ thống chính trị cơ sở, MTTQ và đoàn thể trong vận động quần chúng có đạo, giữ ổn định xã hội.

Ba là, về giải pháp: Các công trình gợi mở nhiều nhóm giải pháp khả thi như: nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm hệ thống chính trị; hoàn thiện pháp luật – chính sách; kiện toàn bộ máy và cán bộ; đổi mới vận động quần chúng; tăng cường kiểm tra – giám sát; phát huy nguồn lực xã hội của tôn giáo.

1.3.2. Khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Mặc dù phong phú, phần lớn nghiên cứu hiện có chủ yếu: (i) tiếp cận ở bình diện quốc gia; hoặc (ii) đi vào một tôn giáo/địa bàn cụ thể; hoặc (iii) phân tích từng mảng như pháp luật, quản lý nhà nước, vận động tôn giáo, đấu tranh lợi dụng tôn giáo... Do đó, vẫn thiếu vắng một công trình nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về nội dung, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong điều kiện hiện nay, nhất là đặt trong bối cảnh yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, sắp xếp tổ chức bộ máy và điều chỉnh đơn vị hành chính.

Trên cơ sở kế thừa chọn lọc, luận án tập trung giải quyết ba vấn đề trọng yếu: (1) Làm rõ cơ sở lý luận và xây dựng khung lý thuyết về các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo (khái niệm, chủ thể, đối tượng, mục tiêu, nội dung, phương thức, lực lượng tham gia); (2) Khảo sát, đánh giá thực trạng lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL; chỉ ra kết quả, hạn chế, nguyên nhân; rút ra kinh nghiệm; (3) Phân tích bối cảnh và yếu tố tác động, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Tiểu kết chương 1

Việc tổng quan các công trình trong và ngoài nước giúp luận án tiếp cận tương đối đầy đủ các cơ sở lý luận về tôn giáo, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như các hướng nghiên cứu về quản trị tôn giáo và phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền. Đồng thời, các nghiên cứu thực tiễn đã cung cấp dữ liệu, tình huống và gợi ý giải pháp quan trọng cho việc phân tích đặc thù vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, xét tổng thể vẫn thiếu một nghiên cứu mang tính hệ thống về nội dung và phương thức lãnh đạo công tác

tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong bối cảnh mới. Vì vậy, luận án xác định rõ giá trị kế thừa, khoảng trống khoa học và định hướng vấn đề cần làm rõ; qua đó khẳng định tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn của đề tài.

Chương 2

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

2.1.1. Tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

ĐBSCL nằm ở cực Nam Tổ quốc, kề Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan và phía Đông Nam giáp Biển Đông, mang ý nghĩa địa-chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế và đối ngoại. Địa hình toàn vùng tương đối bằng phẳng, mạng lưới sông Tiền – sông Hậu và kênh rạch dày đặc, chịu tác động thủy triều và lũ thượng nguồn Mekong, tạo lợi thế cho nông nghiệp, thủy sản và giao thông thủy; đồng thời có bờ biển dài khoảng 750 km và vùng biển, đặc quyền kinh tế rộng, thuận lợi phát triển kinh tế biển và năng lượng tái tạo. Về lịch sử, vùng từng gắn với văn hóa Óc Eo – Phù Nam, từ thế kỷ XVII dần hội nhập vào tiến trình mở cõi và phát triển của quốc gia – dân tộc Việt Nam, hình thành không gian cư trú đa dân tộc, đa tôn giáo với bản sắc văn hóa sông nước đặc trưng. Sau sắp xếp đơn vị hành chính từ 01/7/2025, ĐBSCL gồm 5 đơn vị cấp tỉnh (TP Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau), tăng điều kiện liên kết nội vùng, liên vùng, tích hợp nguồn lực và quy hoạch hạ tầng, logistics theo hướng đồng bộ. Về kinh tế, vùng giữ vai trò trụ cột nông nghiệp và xuất khẩu thủy sản; năm 2024 GRDP đạt 1.409.300 tỷ đồng, tăng 11,9%, tăng trưởng 7,31%, thu nhập bình quân 80,7 triệu đồng; sản lượng lúa 24,2 triệu tấn, thủy sản 4,79 triệu tấn, xuất khẩu 25,7 tỷ USD. Về chính trị – xã hội, tình hình cơ bản ổn định, hệ thống chính trị được củng cố, song vẫn tiềm ẩn phức tạp liên quan đất đai, cơ sở tôn giáo và nguy cơ bị lợi dụng chia rẽ khối đại đoàn kết; đồng thời chịu thách thức lớn từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, đòi hỏi năng lực lãnh đạo, quản trị phát triển bền vững ngày càng cao.

2.1.2. Đảng bộ các tỉnh, thành phố và các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và vai trò

2.1.2.1. Khái quát Đảng bộ các tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trước khi thực hiện chủ trương sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính, vùng ĐBSCL có 13 đảng bộ tỉnh, thành phố, tương ứng với 13 tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ. Hệ thống tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh đa dạng, bao gồm đảng bộ cấp huyện, các đảng bộ khối, đảng bộ lực lượng vũ trang, các đảng bộ ngành, cùng các đảng đoàn và ban cán sự đảng. Trong nhiệm kỳ 2020–2025, toàn vùng có 642 ủy viên cấp ủy cấp tỉnh, trong đó 187 ủy viên ban thường vụ, với 616.285 đảng viên. Sau sắp xếp, ĐBSCL còn 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh, tương ứng với 05 đảng bộ cấp tỉnh và 05 ban thường vụ. Toàn vùng hiện có 549 tổ chức đảng trực thuộc, với khoảng 657.000 đảng viên. Thực tiễn này cho thấy quy mô, tiềm lực chính trị – xã hội của các đảng bộ được củng cố theo hướng tinh gọn, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và năng lực lãnh đạo trong bối cảnh mới.

2.1.2.2. Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - quan niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

*** Quan niệm**

Tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố do đại hội bầu ra, lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với địa phương.

*** Chức năng**

Trên cơ sở khái niệm về tỉnh ủy, thành ủy và các quy định của Đảng, đặc biệt là Quy định số 305-QĐ/TW, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện đối với đảng bộ tỉnh, thành phố; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ở địa phương và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc. Trong tổng thể các chức năng đó, lãnh đạo công tác tôn giáo là một nội dung quan trọng, xuyên suốt, gắn chặt với yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

*** Nhiệm vụ, quyền hạn**

Theo Điều lệ Đảng và Quy định số 305-QĐ/TW, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có hệ thống nhiệm vụ và quyền hạn toàn diện, thể hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với đảng bộ địa phương và toàn bộ hệ thống chính trị trên địa bàn. Trong tổng thể các nhiệm vụ, quyền hạn đó, lãnh đạo công tác tôn giáo là một nội dung quan trọng, gắn chặt với yêu cầu ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

** Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy*

Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long do hội nghị tỉnh, thành ủy bầu ra trong số các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, là một bộ phận rất quan trọng, là tinh hoa của tỉnh, thành ủy, cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố ở giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, thành ủy, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2.1.2.3. *Mối quan hệ công tác của tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có mối quan hệ công tác chặt chẽ, thống nhất với các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và các chủ thể trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với địa phương, trong đó có công tác tôn giáo.

2.1.2.4. *Vai trò của tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy*

Tỉnh ủy, thành ủy và BTV tỉnh ủy, thành ủy giữ vị trí trung tâm trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, là hạt nhân lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh ở mỗi địa phương. Ở vùng ĐBSCL, nơi có vị trí địa lý đặc thù, cơ cấu dân cư đa dạng, đời sống tôn giáo phong phú và chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn, bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

2.2. TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long - khái quát, đặc điểm và vai trò

2.2.1.1. *Khái quát các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

ĐBSCL hiện có 13 tôn giáo được Nhà nước công nhận, với hơn 6,5 triệu tín đồ (khoảng 36,5% dân số), gần 5.000 cơ sở thờ tự và đội ngũ chức sắc, chức việc đông đảo. Các tôn giáo lớn gồm Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài và Tin Lành, phân bố rộng khắp các địa phương. Những năm qua, đời sống tôn giáo ổn định, chức sắc, tín đồ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng lợi dụng tôn giáo, đòi hỏi các tỉnh, thành ủy tăng cường lãnh đạo, vận động và quản lý phù hợp.

2.2.1.2. *Đặc điểm tôn giáo các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Với hệ thống tôn giáo đa dạng, gồm cả tôn giáo du nhập và tôn giáo nội sinh, hình thành trong bối cảnh lịch sử – văn hóa đặc thù. Phần lớn tín đồ có nguồn gốc nông dân, giàu truyền thống yêu nước nhưng một bộ phận dễ bị tác động trong điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn. Đội ngũ chức sắc đông đảo, được đào tạo bài bản, có ảnh hưởng lớn và quan hệ quốc tế rộng, vừa là lực lượng nòng cốt, vừa đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ. Tôn giáo là lĩnh vực nhạy cảm, thường bị các thế lực thù địch lợi dụng, đòi hỏi các tỉnh, thành ủy tăng cường lãnh đạo, quản lý hiệu quả.

2.2.1.3. Vai trò các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Về mặt tích cực, các tôn giáo ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các thiết chế, lễ hội và giá trị truyền thống; đồng thời củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường gắn kết giữa các cộng đồng dân cư. Hoạt động tôn giáo còn tích cực tham gia phát triển kinh tế – xã hội, nhất là trong lĩnh vực an sinh, từ thiện và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các tôn giáo góp phần ổn định chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh trong cộng đồng.

Về mặt tiêu cực, tôn giáo có thể bị lợi dụng cho mục đích chính trị, gây chia rẽ và mất ổn định xã hội. Một số quan niệm bảo thủ, mê tín cản trở đổi mới tư duy và phát triển kinh tế – xã hội. Thực tiễn còn phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật như truyền đạo trái phép, xây dựng cơ sở thờ tự không đúng quy định. Ngoài ra, tình trạng thụ động, lệ thuộc tôn giáo ảnh hưởng đến đời sống xã hội, cùng với nguy cơ thương mại hóa, biến tướng trong sinh hoạt tôn giáo và lễ hội.

2.2.2. Công tác tôn giáo của tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - khái niệm, nội dung

2.2.2.1. Khái niệm

Công tác tôn giáo được hiểu là tổng thể các hoạt động lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo; đồng thời tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở địa phương.

2.2.2.2. Nội dung công tác tôn giáo của tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, trên cơ sở chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, chính

quyền tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo các chủ thể công tác tôn giáo xây dựng, ban hành chủ trương, quyết định, chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo của mình gắn với phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Hai là, các chủ thể công tác tôn giáo lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt trong đoàn viên hội viên của mình và thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo đã được xây dựng.

Ba là, các chủ thể công tác tôn giáo phối hợp các tổ chức, các lực lượng có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo của mình.

Bốn là, các chủ thể công tác tôn giáo lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt trong công tác tôn giáo.

Năm là, các chủ thể công tác tôn giáo chủ thể kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo trong đoàn viên, hội viên và các bộ phận trực thuộc.

Sáu là, các chủ thể công tác tôn giáo tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

2.3. TỈNH, THÀNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo

Các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo là tổng thể các hoạt động của tỉnh, thành ủy trong xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, kết luận, định hướng chỉ đạo quán triệt, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tôn giáo theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

2.3.2. Nội dung lãnh đạo

Một là, các tỉnh, thành ủy thành ủy lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo chính quyền tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy thành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án công tác tôn giáo và tổ chức thực hiện.

Ba là, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt công tác tôn giáo.

Bốn là, lãnh đạo cấp ủy trực thuộc thực hiện hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của các tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Năm là, lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp các tổ chức, các lực lượng liên quan tiến hành công tác tôn giáo.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo.

2.3.3. Phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động liên quan đến công tác tôn giáo.

Ba là, lãnh đạo bằng phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Năm là, lãnh đạo bằng tổ chức đảng, đảng viên, hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo.

Sáu là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các lực lượng trong công tác tôn giáo, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, vận động phát huy vai trò các chức sắc tôn giáo trong thực hiện nghị quyết của các tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo.

Bảy là, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công tác tôn giáo.

2.3.4. Vai trò

Một là, sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy bảo đảm cho tôn giáo, công tác tôn giáo được thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Hai là, các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo chính là yếu tố bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác tôn giáo.

Ba là, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy bảo đảm việc huy động tối đa các nguồn lực thực hiện công tác tôn giáo và nguồn lực tôn giáo.

Bốn là, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy bảo đảm quyết định tăng cường đoàn kết tôn giáo, dân tộc ở ĐBSCL.

Năm là, lãnh đạo công tác tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL, góp phần trực tiếp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của cấp ủy địa phương.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác tôn giáo và sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL, qua đó khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa tôn giáo và chính trị trong điều kiện hiện nay. Tôn giáo được tiếp cận vừa là hình thái ý thức xã hội, vừa là một thực thể xã hội có ảnh hưởng nhất định đến đời sống chính trị – xã hội ở địa phương. Việc xác định rõ các khái niệm, nội dung và phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy

là nền tảng quan trọng cho phân tích các chương tiếp theo. Trên cơ sở khảo cứu tài liệu và tư liệu thực tiễn, luận án phác họa bức tranh tổng quan về tình hình tôn giáo ở vùng ĐBSCL, bao gồm đặc điểm các tôn giáo chủ yếu và những vấn đề đặt ra trong công tác lãnh đạo, quản lý. Những luận cứ này là cơ sở để tiếp tục đánh giá thực trạng lãnh đạo công tác tôn giáo ở Chương 3.

Chương 3

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO CỦA TỈNH ỦY, THÀNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về nội dung lãnh đạo

Một là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Ba là, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt công tác tôn giáo.

Bốn là, lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Năm là, lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp các tổ chức, các lực lượng liên quan tiến hành công tác tôn giáo.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo.

3.1.1.2. Về phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động liên quan đến công tác tôn giáo.

Ba là, lãnh đạo bằng phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Năm là, lãnh đạo bằng tổ chức đảng, đảng viên, hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo.

Sáu là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các lực lượng trong công tác tôn giáo, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, vận động phát huy vai trò các chức

sắc tôn giáo trong thực hiện nghị quyết của các tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo.
Bảy là, lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

3.1.2. Hạn chế, yếu kém

3.1.2.1. Về nội dung lãnh đạo

Về nội dung lãnh đạo, ở một số tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL vẫn còn những hạn chế nhất định. Việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về công tác tôn giáo chưa thật sự rõ trọng tâm, chưa làm nổi bật vấn đề cốt lõi và đặc thù địa phương. Công tác lãnh đạo chính quyền thể chế hóa, tổ chức thực hiện chủ trương của cấp ủy còn chậm, thiếu cụ thể và chưa sát thực tiễn. Việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu mới. Một số cấp ủy trực thuộc tổ chức thực hiện nghị quyết chưa quyết liệt, thiếu đồng đều; công tác sơ kết, tổng kết còn hình thức, chưa phát huy vai trò điều chỉnh phương thức lãnh đạo.

3.1.2.2. Về phương thức lãnh đạo

Nội dung lãnh đạo, ở một số tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL vẫn còn những hạn chế nhất định. Việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về công tác tôn giáo chưa thật sự rõ trọng tâm, chưa làm nổi bật vấn đề cốt lõi và đặc thù địa phương. Công tác lãnh đạo chính quyền thể chế hóa, tổ chức thực hiện chủ trương của cấp ủy còn chậm, thiếu cụ thể và chưa sát thực tiễn. Việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu mới. Một số cấp ủy trực thuộc tổ chức thực hiện nghị quyết chưa quyết liệt, thiếu đồng đều; công tác sơ kết, tổng kết còn hình thức, chưa phát huy vai trò điều chỉnh phương thức lãnh đạo.

3.1.2.2. Về phương thức lãnh đạo

Phương thức lãnh đạo, ở một số tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL còn bộc lộ nhiều hạn chế. Việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch về công tác tôn giáo thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa theo kịp biến động của đời sống tôn giáo. Công tác tuyên truyền, vận động chưa đồng bộ, thiếu trọng tâm; vai trò quản lý nhà nước của chính quyền chưa được phát huy đầy đủ. Phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức, cán bộ, tổ chức đảng, đảng viên là người có đạo còn lúng túng; vai trò của MTTQ, đoàn thể và lực lượng nòng cốt chưa lan tỏa. Công tác kiểm tra, giám sát còn hình thức, thiếu chủ động và chiều sâu.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, đường lối đối mới đúng đắn của Đảng về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Hai là, nhận thức của các tỉnh, thành ủy về vai trò của tôn giáo và công

tác tôn giáo được đặt ra cấp bách hơn trước những chuyển biến của tình hình cách mạng.

Ba là, sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của tỉnh, thành ủy đối với công tác phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác tôn giáo.

Bốn là, các tỉnh, thành ủy đã xây dựng được đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm là, tăng cường đối thoại, chăm lo đời sống và tạo điều kiện cho hoạt động tôn giáo hợp pháp.

3.2.1.2. Nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế

Một là, nguyên nhân bao trùm là nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc của một bộ phận trong hệ thống chính trị về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Hai là, công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo chậm đổi mới, còn biểu hiện hành chính hóa, chưa theo kịp thực tiễn.

Ba là, đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy.

Bốn là, tác động của toàn cầu hóa, chuyển đổi số làm gia tăng khó khăn cho công tác lãnh đạo tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Năm là, đời sống, trình độ dân trí của đồng bào theo đạo còn thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo.

Sáu là, thành kiến và sự ngờ vực trong một bộ phận chức sắc tôn giáo đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Một là, lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng về công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, nhất là trong vùng có đông đồng bào theo đạo.

Ba là, lãnh đạo tăng cường phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác tôn giáo.

Bốn là, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào có đạo.

Năm là, lãnh đạo làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc, người có uy tín trong tôn giáo.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 làm rõ thực trạng lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL trong nhiều nhiệm kỳ. Thực tiễn cho thấy, các cấp ủy đã ngày càng nhận thức rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo với nhiều đổi mới về nội dung và phương thức, tạo chuyển biến tích cực cả về quy mô và chất lượng, góp phần quan trọng vào ổn

định chính trị và phát triển kinh tế – xã hội của vùng. Tuy nhiên, công tác lãnh đạo tôn giáo vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, nhất là sự lúng túng trong lựa chọn phương thức, thiếu giải pháp đột phá trong một số tình huống cụ thể. Trên cơ sở phân tích ưu điểm, hạn chế, chương đã chỉ ra các nguyên nhân và kinh nghiệm chủ yếu, nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới nhận thức, tăng cường chỉ đạo quyết liệt và phát huy tính đột phá, sáng tạo. Đây là cơ sở quan trọng để luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, phù hợp với đặc điểm vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1.1. Dự báo những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo

4.1.1.1. Những nhân tố thuận lợi

Những nhân tố thuận lợi đối với lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL xuất phát từ thành tựu 40 năm đổi mới và đường lối tôn giáo nhất quán của Đảng, được thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, tạo hành lang pháp lý và nền tảng chính trị vững chắc để phát huy giá trị tích cực của tôn giáo. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Đảng chủ trương khơi dậy sức mạnh toàn dân tộc, coi tôn giáo là nguồn lực xã hội quan trọng, được lồng ghép vào chiến lược phát triển bền vững của vùng ĐBSCL. Việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính góp phần tinh gọn bộ máy, thống nhất quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động tôn giáo. Cùng với đó, đời sống kinh tế – xã hội ngày càng được cải thiện và quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường minh bạch, chủ động phòng ngừa, xử lý các vấn đề tôn giáo trong tình hình mới.

4.1.1.2. Những khó khăn

Những khó khăn trong lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL xuất phát từ bối cảnh toàn cầu hóa, phát triển mạnh của mạng xã hội và sự gia tăng đa dạng các hình thức sinh hoạt tôn giáo, trong đó có những nhóm tự phát, chưa được công nhận, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Các thế lực thù địch tiếp tục lợi

dụng vấn đề tự do tín ngưỡng, quan hệ tôn giáo đối ngoại và không gian mạng để xuyên tạc chính sách của Đảng, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bên cạnh đó, mối liên hệ quốc tế rộng của một bộ phận chức sắc, tín đồ và nguồn viện trợ từ bên ngoài cũng đặt ra thách thức trong quản lý. Trình độ, kinh nghiệm của một bộ phận cán bộ làm công tác tôn giáo còn hạn chế, trong khi một số khuyết điểm chậm được khắc phục triệt để. Đời sống khó khăn của một bộ phận chức sắc, tín đồ tiếp tục là yếu tố dễ bị lợi dụng, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo, tuyên truyền và vận động trong thời gian tới.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo

Một là, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Ba là, kết hợp lãnh đạo công tác tôn giáo và công tác dân tộc.

Bốn là, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy trực thuộc, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên và nhân dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long về vị trí, vai trò của công tác tôn giáo và sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay

Một là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Hai là, đổi mới và nâng cao chất lượng quán triệt các nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo, gắn với điều kiện thực tiễn của các tỉnh, thành vùng ĐBSCL.

Ba là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức hội thảo, nghiên cứu khoa học và triển khai đề tài về công tác tôn giáo gắn với thực tiễn địa phương.

Bốn là, nâng cao chất lượng truyền thông về công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị và xã hội ở vùng ĐBSCL.

4.2.2. Hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo

Thứ nhất, xác định đúng nội dung trọng tâm về công tác tôn giáo trong từng thời kỳ để tập trung lãnh đạo.

Thứ hai, nâng cao năng lực xây dựng và lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết về công tác tôn giáo của các tỉnh, thành uỷ ở ĐBSCL.

4.2.3. Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ đối với chính quyền trong lồng ghép công tác tôn giáo vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông tín đồ tôn giáo trong nghị quyết, chương trình hành động của cấp uỷ.

Hai là, ưu tiên đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sinh kế tại các địa bàn có đông đồng bào theo đạo.

Ba là, tạo điều kiện để chức sắc, tín đồ tham gia các chương trình giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và an sinh xã hội.

Bốn là, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong chính sách đất đai, tín dụng và dạy nghề cho tín đồ tôn giáo.

Năm là, phát huy vai trò tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào theo đạo.

4.2.4. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ thông qua tổ chức đảng ở địa bàn có đông tín đồ và đảng viên là người có đạo; xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo

Thứ nhất, phát huy vai trò của tổ chức đảng nơi có đông tín đồ tôn giáo.

Thứ hai, xây dựng và phát huy vai trò đảng viên là người có đạo.

Thứ ba, tăng cường vận động chức sắc, tín đồ, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo.

4.2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ trong phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội; chủ động phòng, chống lợi dụng tôn giáo, bảo vệ an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Thứ nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền các cấp

Thứ hai, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức quần chúng trong công tác tôn giáo

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo trong phòng, chống lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, bảo vệ an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

4.2.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới công tác cán bộ và hoàn thiện cơ chế phối hợp dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ trong công tác tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, kiện toàn tổ chức bộ máy và phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc tỉnh, thành uỷ trong công tác tôn giáo

Thứ hai, xây dựng, bồi dưỡng và phát huy đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Thứ ba, tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng công tác tôn giáo, phối hợp giữa các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long trong lãnh đạo công tác tôn giáo

4.2.7. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy thông qua công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đối với công tác tôn giáo

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy đối với các cấp ủy, cán bộ, đảng viên trong thực hiện nghị quyết, quyết định

Thường xuyên sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo

Tiểu kết chương 4

Chương 4 tập trung dự báo tình hình, xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo. Chương làm rõ các yếu tố thuận lợi như thành tựu đổi mới, sự tham gia tích cực của các tổ chức tôn giáo, sắp xếp đơn vị hành chính, cải thiện đời sống kinh tế – xã hội và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; đồng thời chỉ ra những khó khăn từ diễn biến phức tạp của tôn giáo, sự chống phá của các thế lực thù địch, hạn chế của đội ngũ cán bộ và đời sống còn khó khăn của một bộ phận tín đồ. Trên cơ sở đó, luận án xác định 5 phương hướng trọng tâm và đề xuất 7 nhóm giải pháp đồng bộ, khả thi, gắn với nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, phát huy vai trò hệ thống chính trị, tăng cường kiểm tra, giám sát và phòng, chống lợi dụng tôn giáo. Chương cũng nhấn mạnh vai trò hỗ trợ, chỉ đạo của Trung ương nhằm bảo đảm hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

ĐBSCL là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng – an ninh, đồng thời là địa bàn có số lượng tín đồ các tôn giáo lớn, đa dạng về tổ chức và hình thức sinh hoạt. Đây cũng là khu vực mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu cấp thiết, nhằm vừa phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo trong đời sống xã hội, vừa bảo đảm thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL là tổng thể các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, với sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân địa phương, từ việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận đến tổ chức thực hiện, kiểm tra,

giám sát. Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, công tác lãnh đạo tôn giáo của các tỉnh, thành ủy đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, bất cập trong nhận thức, phương thức lãnh đạo và tổ chức thực hiện, đòi hỏi phải tiếp tục được khắc phục một cách đồng bộ, hiệu quả.

Từ thực tiễn lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL, luận án rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu: nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng của các cấp ủy về công tác tôn giáo; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh ở địa bàn có đông đồng bào có đạo; tăng cường phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào tôn giáo; làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc và người có uy tín trong tôn giáo. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL, trọng tâm là: nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị; hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo; gắn công tác tôn giáo với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội; đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng, đảng viên là người có đạo và lực lượng nòng cốt trong tôn giáo; phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ và các đoàn thể; kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của vùng ĐBSCL trong thời kỳ mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Võ Văn Chỉ (2023), “Sự nhất quán và phát triển quan điểm của Đảng về tôn giáo qua các kỳ đại hội”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (Số chuyên đề năm 2023), tr.116-121.
2. Võ Văn Chỉ (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (Số đặc biệt quý IV - 2024), tr.66-71.
3. Võ Văn Chỉ (2025), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh đa tôn giáo, đa dân tộc ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 19/8/2025 <<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/08/19/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-boi-canhh-da-ton-giao-da-dan-toc-o-vung-dong-bang-song-cuu-long-hien-nay/>>.
4. Võ Văn Chỉ (2025), “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông* (Số chuyên đề 3-2025).
5. Võ Văn Chỉ (2025), “Công tác phát triển đảng viên là người có đạo ở vùng Tây Nam Bộ hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (Số chuyên đề năm 2025), tr.242-246.
6. Võ Văn Chỉ, Đoàn Trung Dũng (2025), “Các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông* (Số chuyên đề 4-2025), tr.197-201.
7. Võ Văn Chỉ (2025), “Công tác phát triển đảng viên là người có đạo ở thành phố Cần Thơ hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị* (Số 06 (48)-2025), tr.54-60.